



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Kiểm toán Thuế Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

Số: ~~7~~2014/UHY-BCKTDL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17/03/2014, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 31/12/2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tự Trung

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1226-2013-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Phan Thanh Điền

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1496-2013-112-1

Nguyễn Tự Trung

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2013

TÀI SẢN	Mã	Thuyết minh	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		484.556.754.805	385.455.758.537
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	212.873.059.571	199.517.254.347
Tiền	111		5.160.778.324	4.724.184.996
Các khoản tương đương tiền	112		207.712.281.247	194.793.069.351
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		115.848.141.795	36.429.314.572
Đầu tư ngắn hạn	121	5	115.848.141.795	36.429.314.572
Các khoản phải thu	130		103.092.697.423	139.393.405.685
Phải thu khách hàng	131		63.553.915.778	87.703.348.858
Trả trước cho người bán	132		6.021.830.293	19.962.179.242
Các khoản phải thu khác	135	7	33.598.637.016	32.120.576.440
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(81.685.664)	(392.698.855)
Hàng tồn kho	140		49.144.324.076	5.661.720.590
Hàng tồn kho	141	6	49.144.324.076	5.661.720.590
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.598.531.940	4.454.063.343
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		198.830.908	160.992.561
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.955.878.032	3.656.899.782
Tài sản ngắn hạn khác	158		443.823.000	636.171.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		972.208.694.783	1.080.575.019.238
Tài sản cố định	220		813.210.759.969	915.017.041.461
Tài sản cố định hữu hình	221	9	700.228.069.096	837.605.756.044
- Nguyên giá	222		2.172.378.139.799	2.170.030.468.809
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.472.150.070.703)	(1.332.424.712.765)
Tài sản cố định vô hình	227	8	12.338.577.471	13.298.539.844
- Nguyên giá	228		15.252.657.760	15.252.657.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.914.080.289)	(1.954.117.916)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	100.644.113.402	64.112.745.573
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	158.178.144.533	164.735.722.804
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.098.144.533	2.677.722.804
Đầu tư dài hạn khác	258		152.080.000.000	162.058.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		819.790.281	822.254.973
Chi phí trả trước dài hạn	261		124.541.893	124.541.893
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		695.248.388	697.713.080
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.456.765.449.588	1.466.030.777.775

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2013

NGUỒN VỐN	Mã	Thuyết minh	Tại 31/12/2013	Tại 01/01/2013
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		483.743.361.149	535.110.578.893
Nợ ngắn hạn	310		248.973.525.747	204.348.383.491
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	117.336.000.000	95.124.000.000
Phải trả người bán	312		27.301.066.836	22.206.310.146
Người mua trả tiền trước	313		18.438.000	923.468.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	47.523.924.845	39.934.551.007
Phải trả công nhân viên	315		18.743.622.502	16.107.970.399
Chi phí phải trả	316	14	14.094.221.813	12.290.245.289
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	16.954.614.988	13.202.371.274
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.001.636.763	4.559.467.376
Nợ dài hạn	330		234.769.835.402	330.762.195.402
Vay và nợ dài hạn	334	16	234.738.195.402	330.762.195.402
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		31.640.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		937.186.831.672	896.041.827.173
Vốn chủ sở hữu	410	17	937.186.831.672	896.041.827.173
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		56.454.368.091	5.905.440.607
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(170.802.403)	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		46.889.661	25.947.980.086
Quỹ dự phòng tài chính	418		24.251.370.991	17.106.732.663
Lợi nhuận chưa phân phối	420		156.605.005.332	147.081.673.817
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		35.835.256.767	34.878.371.709
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.456.765.449.588	1.466.030.777.775

Bình Phước, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hồ Thành Công

Huỳnh Văn Khánh

Nguyễn Thanh Phú



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
Khu 5, P. Thác Mơ, TX. Phước Long, tỉnh Bình Phước

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	496.638.052.141	516.354.628.139
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	496.638.052.141	516.354.628.139
Giá vốn hàng bán	11	19	238.694.546.745	235.374.328.530
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		257.943.505.396	280.980.299.609
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	22.480.502.161	9.032.260.479
Chi phí tài chính	22	21	48.193.658.828	73.311.086.471
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		48.061.739.960	73.260.038.471
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.837.193.279	20.487.616.400
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		209.393.155.450	196.213.857.217
Thu nhập khác	31	22	974.080.571	12.539.017.589
Chi phí khác	32	23	1.146.076.863	11.393.981.869
Lợi nhuận khác	40		(171.996.292)	1.145.035.720
Lợi nhuận/lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		20.421.729	9.791.023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		209.241.580.887	197.368.683.960
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		48.493.748.356	48.055.767.599
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(35.738.641)	(678.028.329)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		160.783.571.172	149.990.944.690
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		4.393.799.611	3.596.794.098
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		156.389.771.561	146.394.150.592
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.234	2.091

Bình Phước, ngày 17 tháng 03 năm 2014

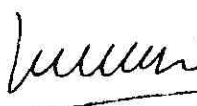
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hồ Thành Công



Huỳnh Văn Khánh





Nguyễn Thanh Phú

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	1	209.241.580.887	197.368.683.960
Lợi nhuận trước thuế			
Điều chỉnh cho các khoản	02	141.944.885.608	138.896.541.904
Khấu hao TSCĐ	03	(311.013.191)	-
Các khoản dự phòng	05	(22.369.005.023)	(9.970.490.371)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	06	48.061.739.960	73.260.038.471
Chi phí lãi vay	08	376.568.188.242	399.554.773.964
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	09	36.611.721.453	66.379.681.343
"Tăng/giảm" các khoản phải thu	10	(43.482.603.486)	304.418.384
"Tăng/giảm" hàng tồn kho	11	20.931.094.219	(121.517.976.421)
"Tăng/giảm" các khoản phải trả	12	809.288.209	(2)
"Tăng/giảm" chi phí trả trước	13	(45.768.183.178)	76.864.329.463
Tiền lãi vay đã trả	14	(56.312.880.128)	(58.272.484.830)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(4.204.279.192)	(8.126.784.196)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	20	285.152.346.139	355.185.957.705
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	21	(43.049.212.840)	(44.557.003.093)
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn			278.181.818
khác	22	-	(35.710.000.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	23	(105.730.000.000)	
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị			33.400.000.000
khác	24	29.811.172.777	(14.898.700.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	25	(4.061.730.000)	
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	9.845.772.890	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	27	22.735.513.358	10.618.941.834
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	30	(90.448.483.815)	(50.868.579.441)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	33	-	16.500.000.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	34	(77.312.000.000)	(95.024.000.000)
Tiền chi trả nợ gốc vay	36	(104.036.057.100)	(57.479.998.901)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	40	(181.348.057.100)	(136.003.998.901)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	50	13.355.805.224	168.313.379.363
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	60	199.517.254.347	31.203.874.984
Tiền và tương đương tiền đầu năm	70	212.873.059.571	199.517.254.347
Tiền và tương đương tiền cuối năm	4		

Bình Phước, ngày 17 tháng 03 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Hồ Thành Công

Huỳnh Văn Khánh

Nguyễn Thanh Phú

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất